

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Biểu giá dịch vụ tại bến cảng Công viên bến du thuyền Quốc tế

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN ANA MARINA NHA TRANG

Căn cứ Bộ luật hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Luật giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 146/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016 của Chính phủ quy định việc niêm yết giá, phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyển hàng hóa công-te-nơ bằng đường biển, giá dịch vụ tại cảng biển;

Căn cứ Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 31/2024/TT-BGTVT ngày 30/10/2024 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam.

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201622294 đăng ký lần đầu ngày 18/11/2014 và đăng ký thay đổi bổ sung lần thứ 16 ngày 26/8/2024;

Căn cứ chức năng, quyền hạn của Tổng Giám đốc;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Biểu giá dịch vụ cảng biển áp dụng cho các cá nhân/ đơn vị sử dụng dịch vụ tại bến cảng Công viên bến du thuyền Quốc tế thuộc Công ty Cổ phần Ana Marina Nha Trang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/10/2024 và thay thế cho Quyết định số 05/QĐ-ANA ngày 09/02/2023.

Điều 3. Ban lãnh đạo và các Bộ phận trực thuộc Công ty căn cứ chức năng, nhiệm vụ thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Điều 3 (th/h);
- Lưu MD, VT.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
CỔ PHẦN
ANA MARINA
NHA TRANG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Mạnh Hùng

BIỂU GIÁ DỊCH VỤ
TẠI BẾN CẢNG CÔNG VIÊN BẾN DU THUYỀN QUỐC TẾ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 110A/2024/MD-ANA ngày 01/10/2024)

PHẦN I: QUY ĐỊNH CHUNG

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Ana Marina Nha Trang
- Địa chỉ: Đường Nguyễn Cơ Thạch, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.
- Số điện thoại: 02583.901.888
- Địa chỉ trang thông tin điện tử: anamarina.com

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

- Tàu thủy vận chuyển hành khách, hàng hóa từ Việt Nam đi nước ngoài và từ nước ngoài đến Việt Nam, vận tải quá cảng Việt Nam, vận tải trung chuyển quốc tế thực tế vào, rời, đi qua hoặc neo đậu tại khu vực hàng hải hoặc vùng nước thuộc cảng biển Việt Nam;
- Tàu thủy vận chuyển hành khách, hàng hóa hoạt động hàng hải nội địa giữa các cảng nội địa Việt Nam;
- Chủ các phương tiện/ đơn vị/ cá nhân có sử dụng dịch vụ cảng biển tại bến cảng Công viên bến du thuyền Quốc tế.
- Hành khách các tàu từ nước ngoài đến Việt Nam (hoặc ngược lại) bằng đường biển, đường thủy nội địa vào, rời khu vực hàng hải.

III. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

- Tàu thủy: bao gồm tàu biển, tàu sông và các loại tàu, thuyền, phương tiện khác (không phân biệt có động cơ hoặc không có động cơ) hoạt động trên biển và các vùng nước nối liền với biển Việt Nam.
- Vận tải quốc tế: là vận tải hành khách từ Việt Nam đi nước ngoài và từ nước ngoài về Việt Nam, vận tải trung chuyển quốc tế.
- Người vận chuyển: là người dùng tàu thủy thuộc sở hữu cá nhân của mình hoặc thuê tàu thủy thuộc sở hữu của người khác để thực hiện vận chuyển hành khách.
- Chuyến: Một chuyến được tính là tàu thủy vào cảng 01 lượt và rời cảng 01 lượt.
- Tổng dung tích - Gross Tonnage (GT) là dung tích toàn phần lớn nhất của tàu thuyền được ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định.

IV. THỜI GIAN LÀM VIỆC

1. Thời gian làm việc các ngày trong tuần:

- Ca sáng: từ 06 giờ 00 đến 14 giờ 00;
- Ca chiều: từ 14 giờ 00 đến 22 giờ 00;
- Ca đêm: từ 22 giờ 00 đến 06 giờ 00 sáng ngày hôm sau.

2. Làm việc trong các ngày nghỉ Lễ, Tết.

- Tết dương lịch (01/01), Tết nguyên đán, Giỗ tổ Hùng Vương (10/3 âm lịch), Ngày giải phóng đất nước (30/4), Ngày Quốc tế lao động (01/5), Ngày Quốc Khánh (02/9), và các ngày nghỉ Lễ (Quốc lễ) khác theo quy định Nhà nước.

V. ĐỒNG TIỀN TÍNH GIÁ DỊCH VỤ

1. Đồng tiền tính giá dịch vụ là Đồng Việt Nam hoặc Đô la Mỹ đối với dịch vụ sử dụng, cầu, bến, phao neo cung cấp cho tàu thuyền hoạt động hàng hải quốc tế.

2. Đồng tiền tính giá dịch vụ là Đồng Việt Nam đối với dịch vụ sử dụng, cầu, bến, phao neo cung cấp cho tàu thuyền hoạt động hàng hải nội địa.

3. Trường hợp chuyển đổi từ Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

VI. ĐƠN VỊ TÍNH VÀ CÁCH LÀM TRÒN

1. Đơn vị tính dung tích: Tổng dung tích (GT) là một trong các đơn vị cơ sở để tính giá dịch vụ tại cảng biển. Đối với tàu thuyền không ghi GT chọn phương thức quy đổi có GT lớn nhất như sau:

- Tàu biển và phương tiện thủy nội địa tự hành: 1,5 tấn trọng tải tính bằng 01 GT;
- Tàu chở khách (kể cả thủy phi cơ): 01 mã lực (HP, CV) tính bằng 0,5 GT; 01 KW tính bằng 0,7 GT;
- Tàu thuyền chở khách không ghi công suất máy: 01 ghế ngồi dành cho hành khách tính bằng 0,67 GT; 01 giường nằm tính bằng 04 GT.

2. Đơn vị tính công suất máy: Công suất máy chính của tàu thuyền được tính theo HP, CV hoặc KW; phần lẻ dưới 01 HP, 01 CV hoặc 01 KW tính tròn là 01 HP, 01 CV hoặc 01 KW.

3. Đơn vị thời gian:

- Đối với đơn vị thời gian là ngày: 01 ngày tính là 24 giờ; phần lẻ của ngày từ 12 giờ trở xuống tính bằng 1/2 ngày, trên 12 giờ tính bằng 01 ngày;
- Đối với đơn vị thời gian là giờ: 01 giờ tính bằng 60 phút; phần lẻ từ 30 phút trở xuống tính bằng 1/2 giờ, trên 30 phút tính bằng 01 giờ.

4. Đơn vị tính giá dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo đối với tàu thuyền là mét (m) cầu, bến, phao neo; phần lẻ dưới 01 m tính bằng 01 m.

PHẦN II. BIỂU GIÁ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

I. GIÁ DỊCH VỤ HÀNG HẢI QUỐC TẾ

1. Giá sử dụng cầu, bến, phao neo (đơn vị tính USD/GT/giờ).

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá
1	Tàu thuyền neo buộc tại cầu, bến	0,0034
2	Tàu thuyền neo buộc tại phao neo	0,0014
3	Tàu thuyền nhận được lệnh rời cảng mà vẫn chiếm cầu, bến	0,0066
4	Tàu thuyền nhận được lệnh rời cảng mà vẫn chiếm phao neo	0,0022
5	Tàu thuyền cập mạn với tàu thuyền khác ở cầu, phao neo	0,0017

2. Hành khách hoạt động vận tải quốc tế (đơn vị tính USD/người).

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá
1	Lướt vào	3,85
2	Lướt rời	3,85
3	Trường hợp tàu thuyền đậu tại khu vực neo đậu được phép sử dụng phương tiện vận tải thủy khác để đưa đón khách vào tham quan du lịch tại đất liền hoặc các đảo và ngược lại	2,75

3. Giá các dịch vụ khác: phí cởi buộc dây, phí đảm bảo an ninh, vệ sinh môi trường (đơn vị tính USD/m/ngày).

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá
1	Giá dịch vụ khác (Phí cởi buộc dây, phí đảm bảo an ninh, vệ sinh môi trường). Chiều dài tàu dưới 15 m	2,64
2	Giá dịch vụ khác (Phí cởi buộc dây, phí đảm bảo an ninh, vệ sinh môi trường). Chiều dài tàu từ 15 m đến dưới 20 m	3,08
3	Giá dịch vụ khác (Phí cởi buộc dây, phí đảm bảo an ninh, vệ sinh môi trường). Chiều dài tàu từ 20 m đến dưới 25 m	3,52
4	Giá dịch vụ khác (Phí cởi buộc dây, phí đảm bảo an ninh, vệ sinh môi trường). Chiều dài tàu từ 25 m đến dưới 30 m	3,96
5	Giá dịch vụ khác (Phí cởi buộc dây, phí đảm bảo an ninh, vệ sinh môi trường). Chiều dài tàu từ 30 m trở lên	4,40

II. GIÁ DỊCH VỤ HÀNG HẢI NỘI ĐỊA

1. Giá sử dụng cầu, bến, phao neo (đơn vị tính Đồng/GT/giờ).

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn giá
1	Tàu thuyền neo buộc tại cầu, bến	16,50
2	Tàu thuyền neo buộc tại phao neo	11,00
3	Tàu thuyền nhận được lệnh rời cảng mà vẫn chiếm cầu, bến	16,50
4	Tàu thuyền nhận được lệnh rời cảng mà vẫn chiếm phao neo	11,00
5	Tàu thuyền cập mạn với tàu thuyền khác ở cầu, phao neo	8,0

2. Giá các dịch vụ khác: phí cởi buộc dây, phí đảm bảo an ninh, vệ sinh môi trường (đơn vị tính Đồng/m/ngày).

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá
1	Giá dịch vụ khác (Phí cởi buộc dây, phí đảm bảo an ninh, vệ sinh môi trường). Chiều dài tàu dưới 15 m	63.000
2	Giá dịch vụ khác (Phí cởi buộc dây, phí đảm bảo an ninh, vệ sinh môi trường). Chiều dài tàu từ 15 m đến dưới 20 m	74.000
3	Giá dịch vụ khác (Phí cởi buộc dây, phí đảm bảo an ninh, vệ sinh môi trường). Chiều dài tàu từ 20 m đến dưới 25 m	84.000
4	Giá dịch vụ khác (Phí cởi buộc dây, phí đảm bảo an ninh, vệ sinh môi trường). Chiều dài tàu từ 25 m đến dưới 30 m	95.000
5	Giá dịch vụ khác (Phí cởi buộc dây, phí đảm bảo an ninh, vệ sinh môi trường). Chiều dài tàu từ 30 m trở lên	106.000

Ghi chú: các chương trình khuyến mãi khác áp dụng như sau:

1. Đối với các ngày Lễ, Tết: Tết dương lịch (01/01), Tết nguyên đán, Giỗ tổ Hùng Vương (10/3 âm lịch), Ngày giải phóng đất nước (30/4), Ngày Quốc tế lao động (01/5), Ngày Quốc Khánh (02/9): tùy theo tình hình kinh doanh, Công ty có thể áp dụng phụ thu theo chính sách riêng theo quy định của Công ty.

2. Chính sách giảm giá:

- Đối với khách hàng sử dụng dịch vụ theo ngày: tùy vào tình hình thị trường, Công ty có thể linh động giảm giá trong khoảng từ 10 % đến 30 %.

- Đối với một số trường hợp khách hàng sử dụng dịch vụ theo tháng hoặc theo năm, giá niêm yết sẽ được giảm giá từ 35 % đến 65 % tùy trường hợp hoặc căn cứ theo thỏa thuận được ký kết giữa Công ty với khách hàng .